TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 222/2023/DS-PT Ngày: 23/11/2023 V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Chọn

Bà Trần Thị Trâm Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh T - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2023/TLPT-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2023, về: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2023/QĐPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Tường V, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ đăng ký thường trú: Tổ 5, ấp Xà Xía, xã Mỹ Đức, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở: Lô 5 căn 14, đường Trần Quang Khải, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Anh Sơn Hải N, sinh năm 1996. Có mặt

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V là*: Luật sư Huỳnh Quốc C - Văn phòng luật sư Trần Minh H, thuộc đoàn luật sư tỉnh K. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Trần Cao T1, sinh năm 1976. Có mặt

Địa chỉ: F đường B, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị Diễm T2, sinh năm 1978. Có mặt

Địa chỉ: F đường B, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Lâm Anh Đ, sinh năm 1985. Vắng mặt

Địa chỉ: Số E đường T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4. Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Tường V – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tường V trình bày: Bà và vợ chồng ông Trần Cao T1, bà Bùi Thị Diễm T2 là chỗ quen biết, nên từ ngày 01/ 4/2022 đến tháng 12/2022 bà có cho ông T1 vay mượn tiền nhiều lần (gồm 03 lần chuyển khoản cho ông T1 200.000.000 đồng ngày 01/4/2022, 160.000.000 đồng ngày 06/10/2022, 22.000.000 đồng ngày 19/12/2022 và nhiều lần đưa bằng tiền mặt với tổng số tiền khoảng 200.000.000 đồng nhưng không có làm biên nhận), sau đó ông T1 có chuyển khoản trả cho bà được 100.000.000 đồng và trả tiền mặt được nhiều lần thêm 200.000.000 đồng. Sau đó hai bên chốt lại số tiền ông T1 còn nợ là 280.000.000 đồng và có ký Giấy biên nhận ngày 11/02/2023, thỏa thuận thời hạn trả tiền là 30 ngày kể từ ngày ký biên nhận nợ, trong thời gian cho mượn thì không tính lãi, do ông T1 nói mượn một vài tháng thì trả; Mặc dù ông T1 là người giao dịch hỏi vay tiền, nhận tiền vay và ký biên nhận nợ với bà nhưng việc vay mượn này bà T2 là vợ ông T1 biết và tiền vay ông T1 nói để đáo hạn ngân hàng, để lo cho gia đình, bà T2 với ông T1 là vợ chồng nên bà T2 phải có trách nhiệm cùng ông T1 trả số tiền này cho bà V. Do đó, bà V yêu cầu vợ chồng ông T1 và bà T2 có trách nhiệm liên đới trả số tiền 280.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất. Đồng thời bà V xác định số tiền cho ông T1 mượn là tài sản chung của bà và chồng là ông Lâm Anh Đ; tuy nhiên do công việc làm ăn xa nên việc giao dịch cho vay mượn do bà V đại diện thực hiện, chồng bà biết và không có ý kiến gì.

- Theo nguyên đơn bị đơn ông Trần Cao T1 trình bày: Ông T1 thừa nhận do mối quan hệ quen biết nên vào năm 2022 ông có vay mượn tiền của bà V nhiều lần và cũng có trả nhiều lần, sau đó ông không còn khả năng chi trả nên đến ngày 11/02/2023 ông và bà V cùng chốt lại tiền nợ và viết Giấy biên nhận đề ngày 11/02/2023 xác nhận số tiền ông vay của bà V từ năm 2022 còn nợ lại là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), hẹn 30 ngày sau sẽ trả, nhưng do việc làm ăn không thuận lợi nên ông không có khả năng trả tiền cho bà V theo thỏa thuận. Vì vậy bà V khởi kiện ông ra Tòa, ông thừa nhận số tiền còn nợ bà V là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và xác định trách nhiệm trả số tiền này cho bà V là của ông, vợ ông hoàn toàn không biết và không sử dụng số tiền này, tiền vay ông sử dụng vào công việc làm ăn riêng, không phục vụ cho cuộc sống gia đình vì vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2012, mỗi người có công việc riêng, thu thập riêng, tự quản lý và tự chủ về tài chính.

-Theo lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị Diễm T2 trình bày: Bà và ông Trần Cao T1 là vợ chồng kết hôn với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn hợp pháp, nhưng đã sống ly thân từ năm 2012, vì mối quan hệ gia đình hai bên, vì muốn con cái ổn định cuộc sống và việc học tập nên vẫn chưa làm thủ tục ly hôn với nhau; cả hai vẫn sinh sống cùng một nhà tại địa chỉ F đường B, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, tuy nhiên cả hai đều có công việc riêng và sống tự chủ về mặt kinh tế, không ai phụ thuộc ai và không can thiệp vào công việc riêng của mỗi người. Do đó, bà hoàn toàn không biết việc vay mượn tiền giữa ông T1 với bà Tường V, chưa từng nghe ông T1 nói, cho đến đầu năm 2023 bà V đến tìm bà yêu cầu giải quyết nợ thì bà mới biết sự việc và có hỏi ông T1 thì ông T1 nói đó là việc làm ăn riêng của ông T1 với bà V, ông T1 sẽ tự giải quyết. Bà T2 xác định không cùng ông T1 vay mượn tiền của bà V, việc ông T1 có vay tiền của bà V bà cũng không hay biết gì, ông T1 không đem tiền về sử dụng trong gia đình. Do đó không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng ông T1 trả tiền cho bà V.

2. Ông Lâm Anh Đ và người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị Tường V trình bày:

Vào khoảng tháng 3/2022 sau thời gian quen biết với nhau thì được ông T1 rủ hùn hạp làm ăn nhưng do ở xa nên ông Đ để vợ là bà Huỳnh Thị Tường V đứng ra tìm hiểu và giao dịch. Đến tháng 4/2022 ông Đ biết được việc ông T1 có vay tiền của bà V, mượn và trả nhiều lần, cho đến khoảng thời gian gần Tết âm lịch năm 2023 thì biết được số tiền ông T1 còn thiếu là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), mặc dù bà V đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T1 trả tiền nhưng ông T1 và bà T2 không trả, đến khi bà V tìm gặp và ông T1 ký vào giấy tờ xác nhận số tiền còn nợ vợ chồng ông Đ vẫn tạo điều kiện để ông T1 thu xếp bán đất hoặc nhà để trả nợ như ông T1 hứa; tuy nhiên đến tháng 3/2023 qua tìm hiểu bà V biết ông T1 đã bán được nhà và xe nhưng vẫn cố tình không trả số tiền nợ trên. Do đó bà V khởi kiện yêu cầu ông T1 và vợ là Bùi Thị Diễm T2 cùng chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) cho bà V, ông Đ hoàn toàn thống nhất với yêu cầu khởi kiện này của bà V; vì số tiền trên là tài sản chung của vợ chồng do bà V đại diện giao dịch cho vay mượn, ông Đ biết và đồng ý.

**** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:***

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tường V về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Trần Cao T1. Buộc ông Trần Cao T1 trả cho bà Huỳnh Thị Tường V số tiền vay 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tường V về việc yêu cầu bà Bùi Thị Diễm T2 chịu trách nhiệm liên đới cùng ông Trần Cao T1 trả số tiền vay 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 31/7/2023 nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tường V có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu buộc ông Trần Cao T1 và bà Bùi Thị Diễm T2 cùng chịu trách nhiệm trả số tiền là 280.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Nguyên đơn bà V trình bày*: Các lần giao tiền là giao cho ông T1, không có mặt bà T2, ông T1 nói vay tiền để đáo nợ ngân hàng và chi tiêu trong gia đình, nên yêu cầu bà T2 phải liên đới trả số tiền nợ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến: Ông T1 vay tiền của bà V nhiều lần để trả nợ ngân hàng và phục vụ cho gia đình, bà T2 ông T1 ly thân nhưng vẫn ở chung nên nợ là nợ chung. Vì vậy, yêu cầu buộc bà T2 phải liên đới trả nợ cho bà V.

- *Bị đơn ông T1 trình bày*: Biên nhận nợ là sau khi mượn nhiều lần thì mới chốt lại và ký biên nhận tại nhà bà V, các lần giao trả tiền đều không có mặt bà T2.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2 trình bày*: Việc ông T1 vay tiền, giao trả tiền, cũng như ông T1 sử dụng tiền vay vào mục đích gì bà đều không biết. Vì vậy, bà không đồng ý cùng với ông T1 trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và hướng đề nghị giải quyết: Ông T1 cho rằng vay nợ để sử dụng riêng, bà T2 không thừa nhận số nợ nhưng bà V cũng không chứng minh được mục đích vay nợ của ông T1 là để sử dụng chung và các lần giao trả tiền đều không có mặt bà T2, khi ông T1 ký biên nhận nợ thì bà T2 cũng không biết, đối với các tin nhắn cũng không thể hiện được bà T2 đồng ý cùng với ông T1 thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST, ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về nội dung vụ án như sau*: Giữa ông Trần Cao T1 với bà Huỳnh Thị Tường V có thỏa thuận việc ông T1 có nhận của bà V số tiền là 280.000.000đ, các bên có ký vào *"Giấy biên nhận, ngày 11/02/2023"* (BL 40). Ông T1 cũng thừa nhận có nhận và còn nợ bà V số tiền này. Do đó, đây được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án và không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị Tường V, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:* Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào chứng cứ để buộc ông T1 trả số tiền còn nợ cho bà V là 280.000.000đ là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với việc bà V kháng cáo yêu cầu buộc bà T2 cùng với ông T1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Căn cứ theo biên nhận tiền thì bà V có giao tiền cho ông T1 nhận nhưng không nói rõ mục đích vay tiền để làm gì, ông T1 không thừa nhận có sử dụng tiền vay vào mục đích sinh hoạt tiêu dùng trong gia đình. Bản thân bà T2 cũng không thừa nhận số tiền vay là nợ chung. Trong khi bà V không chứng minh được bà T2 có biết hoặc liên quan đến số nợ. Các tin nhắn bà V cung cấp cũng không có thông tin nào nói về số tiền nợ 280.000.000đ cũng như không có đủ cơ sở xác định bà T2 có đồng ý liên đới cùng với ông T1 trả nợ... Do không có đủ căn cứ buộc bà T2 cùng thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cấp sơ thẩm chỉ buộc ông T1 trả nợ cho bà V là có cơ sở, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà V.

[3] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm quyết định là có căn cứ. Chưa có đủ cơ sở chấp nhận ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo của bà V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST, ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[4] *Về án phí dân sự*:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Trần Cao T1 phải có nghĩa vụ nộp án phí với số tiền là 14.000.000đ (280.000.000đ x 5%).

Bà Huỳnh Thị Tường V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Là 300.000đ, do bà V kháng cáo không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Tường V

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST, ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trần cao T3 có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Tường V số tiền còn nợ là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Tường V về việc buộc bà Bùi Thị Diễm T2 phải liên đới trả nợ.

2. *Về án phí dân sự*:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Là 14.000.000đ. Buộc ông Trần Cao T1 phải nộp.

Hoàn trả cho Huỳnh Thị Tường V tạm ứng án phí với số tiền là 7.000.000đ theo lai thu số 0007305 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: là 300.000đ. Buộc bà Huỳnh Thị Tường V phải nộp, theo đó được khấu trừ vào tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ, theo biên lai thu số 0002521, ngày 31/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán	**Thẩm phán**	**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**
Trần Thị Trâm Anh	**Trần Thị Chọn**	**Đặng Thị Bích Vân**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND Tp. Rạch Giá;
- THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Đặng Thị Bích Vân